TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 06 -2023
"Về việc ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Ngọc Mai
Ông Thạch Mu Ni

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thuỷ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu Trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần là trụ sở Toà án nhân dân huyện T đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2023/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Từ Thị Ngọc H, sinh ngày 16/06/1996, có mặt.

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Minh T, là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

Địa chỉ văn phòng: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Minh V (V, Minh H1), sinh ngày 28/01/1972, vắng mặt.

Địa chỉ cũ: 6231 A, G, FL C, USA (H2 kỳ).

Địa chỉ mới: 3061 OAKCLIFF RD AP3 DORAVILLE, GA 30340 USA (Hoa kỳ).

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm có ông Nguyễn Tấn Đ – Nhân vien kỹ thuật của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh;

- Điểm cầu thành phần có ông Lê Hoàng P là Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/06/2022, bản tự khai của nguyên đơn chị Từ Thị Ngọc H và quá trình giải quyết trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Qua mai mối, chị Từ Thị Ngọc H và anh Hoang Minh V1 quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 17/8/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh V1 sống chung với nhau được hơn một tháng thì anh Hoang Minh V1 phải trở về nước Mỹ sinh sống, từ đó vợ chồng chỉ liên lạc nhau qua điện thoại được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong giao tiếp, dần dần mất đi hạnh phúc gia đình và không còn quan tâm liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Toà án xem xét cho chị được ly hôn với anh Hoang Minh V1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống chị H khai không có con chung, tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản phúc đáp ngày 12 tháng 06 năm 2023 của bị đơn anh Hoang Minh V1 *(V, Hoang M) trình bày và có yêu cầu như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H và đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh V1 xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Từ Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Hoang Minh V1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày thêm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Dương Minh T trình bày: Theo đơn khởi kiện cũng như trình bày của chị H tại bản tự khai cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh V không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh V1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung*:* Chị H và anh V1 đều xác nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn

giữa chị Từ Thị Ngọc H và anh Hoang Minh V1 (V2, Minh H1) đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Từ Thị Ngọc H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Từ Thị Ngọc H và anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1) sau khi kết hôn có sống chung vợ chồng tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; sau đó anh Hoang Minh V1 trở về nước Mỹ sinh sống; việc Từ Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1) là quan hệ tranh chấp về "*Ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam. Tại phiên toà sơ thẩm, chị Từ Thị Ngọc H có mặt, riêng bị đơn anh Hoang Minh V1 có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] *Về nội dung yêu cầu giải quyết*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Từ Thị Ngọc H và anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1) tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 17/8/2017 đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị H và anh V1 không thực hiện được là không đáp ứng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam; cả chị H và anh V1 đều khẳng định không thể đoàn tụ được, nên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh V1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Từ Thị Ngọc H.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Chị Từ Thị Ngọc H và anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1) cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, chị Từ Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Từ Thị Ngọc H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012897 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Quan điểm của vị Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Từ Thị Ngọc H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Từ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1).

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* chị Từ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1) khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị Từ Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Từ Thị Ngọc H đã nộp bằng 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012897 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt bị đơn anh Hoang Minh V1. Báo cho nguyên đơn chị Từ Thị Ngọc H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Hoang Minh V1 (V, Minh H1) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện T
(Đăng ký kết hôn số 15 ngày 17/8/2017)
- Đương sự;
- Lưu HSơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Châu